

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 32/2023/DS-ST
Ngày: 13 - 6 - 2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Dương;

2. Ông: Huỳnh Mẫn Xuyên.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 277/2022/TLST-DS, ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXX-ST, ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Võ Kim C**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1973 và **Huỳnh Thị B**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã L, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Võ Kim C trình bày:

- Ngày 01/01/2019, để giải quyết khó khăn bị đơn Huỳnh Thị B có mượn nguyên đơn 25.000.000 đồng;

- Ngày 20/12/2019, có mượn thêm của nguyên đơn 13.000.000 đồng;
- Ngày 30/5/2021, có mượn thêm của nguyên đơn 14.000.000 đồng;
- Ngày 12/4/2021, bị đơn Huỳnh Thị B và Nguyễn Văn P có mượn thêm của nguyên đơn 25.000.000 đồng;
- Ngày 16/9/2021, bị đơn Huỳnh Thị B và Nguyễn Văn P có mượn thêm của nguyên đơn 68.000.000 đồng;
- Ngày 16/9/2021, bị đơn Huỳnh Thị B và Nguyễn Văn P tiếp tục mượn thêm của nguyên đơn 30.000.000 đồng.

Qua các lần mượn thì ông P, bà B thiếu nguyên đơn 175.000.000 đồng. Bị đơn P có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số PSA-0218 cấp ngày 03 tháng 5 năm 2002 cho nguyên đơn cất giữ.

Lãi suất các bên thỏa thuận 30.000 đồng/1 triệu /tháng, không có làm giấy tờ. Sau khi vay thì bị đơn Bích trả một lần được 1.500.000 đồng và vợ chồng bị đơn Phước, Bích trả một lần được 8.000.000 đồng. Tổng hai lần trả là 9.500.000 đồng (Trong đó có 4.500.000 đồng là tiền lãi). Việc đóng lãi giữa các bên không lập thành văn bản.

Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ trên nhưng bị đơn hứa mà vẫn không trả.

Do quyền lợi bị xâm phạm, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn Nguyễn Văn P và Huỳnh Thị B có nghĩa vụ trả nguyên đơn 175.000.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu trả 165.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định.

Quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Văn P có lời trình bày:

Thừa nhận có vay nguyên đơn chỉ có một lần 30.000.000 đồng vào ngày 16.9.2021, có thể chấp giấy đất do mẹ Nguyễn Thị N(Chết) đứng tên, Lãi suất đóng 40.000 đồng/1 triệu /tháng, đóng từ khi vay đến tháng 02 năm 2022 thì ngưng đóng.

Sau đó đến ngày phía bị đơn thiếu tiền hụi nguyên đơn 38.000.000 đồng, hai bên thống nhất cộng chung lại là phía bị đơn thiếu 68.000.000 đồng, hai giấy lập cùng ngày 16.9.2021. Như vậy trong hai Văn bản thỏa thuận vay tài sản này thì bị đơn P chỉ thiếu 68.000.000 đồng. Theo nguyên đơn trình bày bị đơn thiếu thể hiện ở hai văn bản tổng số 98.000.000 đồng thì bị đơn không đồng ý.

Đối với biên nhận ngày 12/4/2021, bị đơn Nguyễn Văn P có mượn thêm của nguyên đơn 25.000.000 đồng thì bị đơn xác định là bị đơn P không có ký tên, để bị đơn P về xác định lại với vợ là B xem có vay hay không vay

số tiền này.

Riêng các biên nhận ngày 20/12/2019, có mượn thêm của nguyên đơn 13.000.000 đồng và biên nhận ngày 30/5/2021, có mượn thêm của nguyên đơn 14.000.000 đồng bị đơn P không có ký tên nên bị đơn không biết. Hiện nay bị đơn Ph xác định chỉ còn thiếu nguyên đơn 68.000.000 đồng và đồng ý trả dần dần. Đồng thời yêu cầu nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số PSA-0218 cấp ngày 03 tháng 5 năm 2002 mà nguyên đơn đang giữ.

Quá trình tố tụng bị đơn Huỳnh Thị B vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm cho rằng trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Qua các chứng cứ có trong hồ vụ án: Đối với hai văn bản lập cùng ngày 16.9.2021 thì chỉ có căn cứ chấp nhận một biên nhận số tiền 68.000.000 đồng như sự thừa nhận phía bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số nợ gốc còn lại cho nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn: Buộc nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số PSA-0218 cấp ngày 03 tháng 5 năm 2002 cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Văn P và Huỳnh Thị B được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, qua các chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là: Sáu Văn bản thỏa thuận vay, mượn tài sản (Gọi tắt Văn bản).

[3.1] Xét đến từng Văn bản như sau: Đối với hai Văn bản cùng giờ và cùng ngày 16 tháng 9 năm 2021, có Nguyễn Văn P và Huỳnh Thị B cùng ký tên: Một văn bản vay 30.000.000 đồng và một văn bản vay 68.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả đối với hai văn bản này là 98.000.000 đồng. Phía bị đơn xác định thiếu tiền nợ 30.000.000 đồng cộng thêm tiền hụi 38.000.000 đồng, hai bên thống nhất cộng chung lại là phía bị đơn thiếu 68.000.000 đồng, hai Văn bản lập cùng ngày 16.9.2021. Như vậy trong hai Văn bản thỏa thuận vay tài sản này thì bị đơn P chỉ thiếu 68.000.000 đồng. Xét lời trình bày này của bị đơn P là có căn cứ. Bởi lẽ, cùng một thời gian duy nhất nếu bị đơn vay 98.000.000 đồng thì nguyên đơn không cần thiết phải lập hai Văn bản, việc lập hai Văn bản này là do có sự tính toán gì của nguyên đơn hoặc sự nhầm lẫn của bị đơn. Như vậy chỉ có căn cứ xác định nợ vay của bị đơn theo hai Văn bản này là 68.000.000 đồng (1).

[3.2] Đối với các văn bản còn lại: Văn bản ngày 01.01.2019 (Vay 25.000.000 đồng), văn bản ngày 20.12.2019 (Vay 13.000.000 đồng) và văn bản ngày 30.5.2021 (Vay 14.000.000 đồng) do bị đơn B ký tên. Văn bản ngày 20.4.2021 (Vay 25.000.000 đồng) do bị đơn P và bị đơn B cùng ký tên. Bị đơn P không thừa nhận là có vay nhưng không có chứng cứ chứng minh. Đồng thời, bị đơn B biết được nguyên đơn khởi kiện nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết xem như bị đơn từ chối nghĩa vụ chứng minh và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ. Xét giữa hai bị đơn có mối quan hệ là vợ chồng nên khi vay thì cả hai người đều biết, cho nên trách nhiệm trả nợ được xác định cho cả hai bị đơn theo số tiền các văn bản nêu trên là 77.000.000 đồng (2).

[3.3] Xác định tổng số nợ vay (1) + (2) là 145.000.000 đồng. Tuy nhiên nguyên đơn xác định là bị đơn đã trả được 9.500.000 đồng nên được khấu trừ vào nợ gốc. Từ đó, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện: Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nguyên đơn 135.500.000 đồng.

[3.4] Đối với yêu cầu tính lãi: Xét đơn khởi kiện và suốt quá trình giải quyết nguyên đơn không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi. Xét yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên không được xem xét. Đối với việc bị đơn cho rằng đã đóng lãi 40.000 đồng/1 triệu /tháng, đóng từ khi vay đến tháng 02 năm 2022. Vấn

đề này không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn đơn cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh nên không có căn cứ khấu trừ vào số nợ gốc nếu đã đóng lãi thừa.

4] Xét yêu cầu phản tố của nguyên đơn: Xét Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số PSA-0218 do Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp cấp ngày 03 tháng 5 năm 2002 cho hộ bà Nguyễn Thị N (Mất) là mẹ của bị đơn Phước. xét bị đơn P chỉ là người giữ giấy đất thay cho gia đình và tự ý đi giao giấy cho nguyên đơn để vay tiền nên cần buộc nguyên đơn trả lại giấy đất này cho bị đơn là phù hợp.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% giá trị tài sản tranh chấp: $135.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.775.000 \text{ đồng}$ được khấu trừ lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng nên còn lại phải nộp 6.475.000 đồng.

Do yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận nên nguyên đơn phải nộp án phí đối với vụ án dân sự không có giá ngạch 300.000 đồng. Đồng thời, phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% giá trị tài sản tranh chấp không được Tòa án chấp nhận: $29.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.475.000 \text{ đồng}$ nhưng được khấu trừ lại tiền tạm ứng án phí đã nộp, số tiền còn thừa nguyên đơn được nhận lại.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Nguyễn Văn P và Huỳnh Thị B cùng có nghĩa vụ trả cho Võ Kim C tổng số tiền 135.500.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng) nợ gốc.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của Nguyễn Văn P: Buộc Võ Kim C có nghĩa vụ trả lại Nguyễn Văn P giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số PSA-0218 do Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp cấp ngày 03 tháng 5 năm 2002 cho hộ bà Nguyễn Thị N được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phụng Hiệp chỉnh lý biến động tại

Trang 4 ngày 28 tháng 5 năm 2004 và và chỉnh lý Trang bổ sung ngày 15 tháng 9 năm 2009.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyễn Văn P và Huỳnh Thị B phải nộp 6.775.000đ (Sáu triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002893, ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Số tiền còn lại Nguyễn Văn P và Huỳnh Thị B phải nộp là 6.475.000đ (Sáu triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Võ Kim C phải nộp 1.775.000đ (Một triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 4.387.500đ (Bốn triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000779, ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Võ Kim C được nhận lại 2.612.500đ (Hai triệu sáu trăm mười hai ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THA huyện PH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Liêm